

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung
thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8096/SXD-QH ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị

trấn Yên Cát, huyện Như Xuân đến năm 2030 (kèm theo Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Như Xuân).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu vực nghiên cứu, lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Yên Cát. Phạm vi ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp huyện Như Thanh;
- Phía Tây giáp xã Cát Tân và xã Hóa Quý;
- Phía Nam giáp xã Bình Lương và xã Tân Bình;
- Phía Bắc giáp xã Thượng Ninh.

2. Tính chất, chức năng đô thị

Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng của huyện Như Xuân. Là đầu mối quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện Như Xuân.

3. Quy mô

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: Khoảng 8.527 người.
- Dân số dự báo đến năm 2025: Khoảng 13.700 người.
- Dân số dự báo đến năm 2030: Khoảng 16.300 người.

b) Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 3.126,79 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030: 1.114,78ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

a) Chỉ tiêu đất đai đạt được:

- Đất dân dụng phát triển mới: 92,88 m²/người.
- Đất đơn vị ở phát triển mới: 50,1 m²/người.
- Đất công cộng đô thị: 10,6 m²/người.
- Đất cây xanh toàn đô thị: 33,8 m²/người, gồm:
 - + Đất cây xanh sử dụng công cộng: 5,6 m²/người;
 - + Đất cây xanh khác (đất cây xanh sử dụng hạn chế, đất cây xanh chuyên dụng – ươm, trồng các loại cây xanh chất lượng cao như Lim xanh Như Xuân) 28,2 m²/người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Đất giao thông tính đến đường khu vực: 18,67% đất xây dựng đô thị;
- Chỉ tiêu điện năng: Tối thiểu 1.000 KWh/người/năm; phụ tải 330W/người;
- Cấp nước sinh hoạt: Tối thiểu 100 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước tối thiểu 95%;
- Thoát nước thải: Tối thiểu 90% nước cấp; Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải thiết kế riêng biệt.
- Chất thải rắn: 0,8 kg/ng/ngđ; Thu gom xử lý: 100%.

5. Định hướng tổ chức không gian đô thị

5.1. Hướng phát triển đô thị

Hướng chủ đạo phát triển không gian thị trấn là về phía Bắc và Tây Bắc đường Hồ Chí Minh từ khu vực đô thị hiện hữu. Khai thác triệt để các quỹ đất còn lại tại phía Nam của thị trấn. Khung không gian đô thị theo 2 hướng chính là Bắc – Nam và hướng Đông – Tây.

- Hướng Bắc – Nam có 2 trục: (Trục 1) đường Hồ Chí Minh là trục đối ngoại kết nối đến các đô thị khác. (Trục 2) nâng cấp tuyến đường từ nút giao đường Hồ Chí Minh tại khu phố Phú Quế đến nút giao đường đi Xuân Khang – Hóa Quỳ thành tuyến trục đối nội của đô thị.

- Hướng Đông – Tây có 3 trục: (Trục 1) nâng cấp tuyến đường QL45 kéo dài từ nút giao đường Hồ Chí Minh hiện nay đi Thanh Quân – Bù Cầm (tuyến đường nằm trong QH giao thông tỉnh). (Trục 2) nâng cấp tuyến đường từ Cầu Chui đến nút giao đường QL45 kéo dài tại Khu phố Trung Thành.

(Trục 3) Đầu tư tuyến đường trục chính từ Khu phố 3 song song 2 tuyến nêu trên kết thúc tại khu vực Ngã 3 Đền Thi – đây là trục trung tâm đô thị, kết nối đô thị cũ và mới.

5.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị

Trên cơ sở các khung không gian chính, hình thành 4 khu vực phát triển đô thị:

- Khu vực đô thị hiện hữu: Được cải tạo chỉnh trang, nâng cấp trên cơ sở khu vực trung tâm đô thị hiện nay.

- Khu vực đô thị trung tâm mới: Tại khu phố Yên Thắng và Thắng Sơn hình thành khu vực đô thị trung tâm mới. Khu vực này bố trí các chức năng đô thị còn thiếu hoặc cần mở rộng làm động lực phát triển cho khu vực đô thị trung tâm mới. Khu vực này được đầu tư đồng bộ hạ tầng từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V.

- Khu vực phát triển du lịch sinh thái văn hóa gắn với du lịch tâm linh – thiền tự Yên Cát: Với việc tận dụng địa hình, cảnh quan khu vực hình thành khu du lịch sinh thái – văn hóa gắn với du lịch tâm linh, tín ngưỡng, là điểm dừng hấp dẫn cho khách du lịch và người dân trong, ngoài khu vực.

- Khu vực phát triển CN – TTCN và phụ trợ: Tại khu vực phía Bắc đường QL45 và phía Đông đường Hồ Chí Minh hình thành Khu vực sản xuất CN – TTCN và phụ trợ tập trung có hạ tầng đồng bộ, là địa điểm sản xuất CN-TTCN tập trung của đô thị và đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng

6.1. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	CHỨC NĂNG	ĐẾN 2025		ĐẾN 2030	
		Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
* TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH		3.126,79	100,00	3.126,79	100,00
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	969,31	31,00	1.114,78	35,65
I	ĐẤT DÂN DỤNG HIỆN TRẠNG	460,48	14,73	460,48	14,73
1.1	Đất đơn vị ở	370,14		370,14	
1.1.1	Đất dân cư hiện trạng cải tạo	370,14		370,14	
1.2	Đất CTCC cấp đô thị	17,24		17,24	
1.2.1	Đất cơ quan	0,71		0,71	
1.2.2	Đất giáo dục	7,51		7,51	
1.2.3	Đất y tế (Trạm y tế Yên Cát)	0,22		0,22	
1.2.4	Đất công cộng khác	8,80		8,80	

STT	CHỨC NĂNG	ĐẾN 2025		ĐẾN 2030	
		Diện tích	Tỷ lệ (%)	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1.3	Giao thông đô thị	73,10		73,10	
II	ĐẤT DÂN DỤNG MỚI	48,26	1,54	72,13	2,31
2.1	Đất dân cư phát triển mới	16,24		38,93	
2.2	Đất Cây xanh	8,02		9,20	
2.3	Giao thông đô thị	24,00		24,00	
III	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	460,57	14,73	582,17	18,62
3.1	Đất cơ quan hành chính vùng	7,76		11,41	
3.2	Đất An ninh Quốc phòng	233,73		233,73	
3.3	Đất công cộng	0,63		2,36	
3.4	Đất trung tâm văn hóa thể thao huyện			3,00	
3.5	Đất sân TT kết hợp SVĐ huyện			4,21	
3.6	Đất bệnh viện đa khoa	1,98		1,98	
3.7	Đất trung tâm y tế dự phòng	1,04		1,04	
3.8	Đất giáo dục - đào tạo cấp vùng	7,93		7,93	
3.9	Đất cơ sở sản xuất công nghiệp	22,49		40,84	
3.10	Đất di tích, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo	2,12		2,12	
3.11	Đất DVTM - DV du lịch vùng	44,15		46,29	
3.12	Đất Nghĩa trang nhân dân	29,45		29,45	
3.13	Đất Hạ tầng kỹ thuật cấp vùng	8,58		22,01	
3.14	Đất Dự phòng phát triển	0,00		20,82	
3.15	Đất Cây xanh chuyên dụng	15,63		45,90	
3.16	Đất giao thông đối ngoại	87,20		111,20	
B	ĐẤT KHÁC	2.157,48	69,00	2.012,01	64,35
1	Đất Mặt nước	11,70		11,70	
2	Đất đồi núi, đất rừng trồng	1115,01		1.115,01	
3	Đất nông nghiệp	1030,77		885,30	

6.2. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

a) Đất cơ quan, công trình công cộng cấp vùng

- Đất cơ quan hành chính cấp vùng:

+ Khối Hành chính – Chính trị cấp huyện: Trước mắt ổn định tại vị trí, quy mô như hiện nay. Bố trí quỹ đất để khi có nhu cầu đầu tư xây dựng mới tại khu vực hành chính – chính trị mới tại khu vực giáp ranh khu phố Yên Thắng và Thắng Sơn (gần Trạm bảo vệ đường dây 500KV hiện nay).

+ Khối các cơ quan, công trình công cộng cấp huyện, cấp vùng đóng trên địa bàn thị trấn: Những đơn vị đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, cơ bản sẽ ở vị trí hiện nay. Ngoài ra bố trí quỹ đất phù hợp tại khu phố Yên Thắng và Thắng Sơn để xây dựng các công trình trụ sở cơ quan đã xuống cấp hoặc có nhu cầu đầu tư xây dựng mới.

+ Tổng quỹ đất khối cơ quan hành chính cấp huyện, cấp vùng là: 11,56ha;

- Đất an ninh - quốc phòng cấp vùng: Cơ bản giữ nguyên như hiện nay. Tổng diện tích đất an ninh - quốc phòng khoảng 233,73ha.

- Trung tâm Văn hoá - Thể thao, sân vận động cấp vùng: Khu vực trung tâm văn hóa thể thao và sân vận động cấp huyện được bố trí tại khu vực giáp ranh khu phố Thăng Sơn và khu phố Yên Thắng, với các hạng mục: Sân vận động huyện, sân tập luyện thể thao, Nhà tập luyện - thi đấu, bể bơi... được đầu tư xây dựng mới đảm bảo quy chuẩn của ngành, đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao đồng thời là nơi tổ chức các sự kiện văn hoá, chính trị lớn của huyện. Tổng diện tích khu VH-TDĐT là: 7,21 ha.

b) Đất cơ quan cấp đô thị.

Khối Hành chính – Chính trị thị trấn: Giữ nguyên vị trí đất và chỉnh trang khối Công sở thị trấn hiện nay. Bố trí quỹ đất Công an, Ban chỉ huy quân sự thị trấn trên phần đất phía Tây công sở thị trấn, phía Đông giáp hành lang bảo vệ đường dây 500KV.

c) Cơ sở giáo dục:

- Trên cơ sở ổn định vị trí, quy mô tại vị trí hiện nay, từng bước đầu tư theo các tiêu chuẩn ngành. Các công trình giáo dục gồm: Các cơ sở trường học cấp THPT, các trường đào tạo nghề, trung tâm GDTX.

- Bố trí quỹ đất giáo dục tại khu vực trung tâm mới để đáp ứng nhu cầu đối với lượng dân cư phát triển mới và đất giáo dục cấp vùng chất lượng cao. Đất giáo dục mới là 1,62 ha; đất giáo dục cấp vùng chất lượng cao là 2,81ha.

d) Y tế:

- Bệnh viện huyện, trung tâm y tế dự phòng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, khu trung tâm y tế trước mắt ổn định tại vị trí hiện nay, bố trí quỹ đất để khi có nhu cầu đầu tư xây dựng mới khoảng 1,98 ha tại khu phố Thăng Sơn.

- Bố trí 01 vị trí đất y tế để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh theo yêu cầu tại vị trí đối diện Bệnh viện huyện hiện nay qua đường Hồ Chí Minh.

- Trạm Y tế thị trấn: Mở rộng đất về phía sau trạm y tế thị trấn hiện nay.

e) Đất công viên, cây xanh đô thị:

- Đất công viên, cây xanh gồm có 2 vị trí tập trung lớn:

+ Bố trí tại phía Bắc UBND huyện hiện nay đến giáp hành lang đường Hồ Chí Minh khoảng 1,98 ha.

+ Bố trí tại khu vực trung tâm mới phía Tây đường Hồ Chí Minh, khoảng 1,28 ha.

- Ngoài ra có các vị trí khác kết hợp với các chức năng: Hành lang bảo vệ đường dây 500KV, hành lang bảo vệ sông suối và các khu vực đồi núi trọc để tạo cảnh quan đồng thời tăng chất lượng cây xanh đô thị.

- Bố trí quỹ đất cây xanh chuyên dụng, vườn ươm tại khu vực trung tâm đô thị mới nhằm phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đồng thời tăng diện tích cây xanh cảnh quan, khôi phục nét đặc trưng đô thị với những giống cây xanh chất lượng cao như cây Lim xanh Như Xuân.

- Tại các khu phố bố trí quỹ đất phù hợp để xây dựng nhà văn hóa khu phố kết hợp khuôn viên, cây xanh TDTT sinh hoạt cộng đồng của các khu phố. Đối với Nhà văn hóa Khu phố 1, được quy hoạch trên 1 phần ô đất Chợ thị trấn cũ.

- Tận dụng tối đa các yếu tố cây xanh mặt nước đã có trong đô thị: Các ao hồ, hệ thống sông, suối hiện có cải tạo thành các công viên cây xanh, điều tiết khí hậu cho đô thị, nâng cao đời sống cho nhân dân.

- Khu vực hồ Mỹ Ré, hình thành hệ thống cây xanh, mặt nước, xây dựng khu sinh thái, các khu ở mật độ thưa. Bảo vệ các vùng cảnh quan sinh thái tự nhiên.

f) Đất phát triển cơ sở sản xuất công nghiệp:

Bố trí 02 quỹ đất cơ sở sản xuất công nghiệp tại phía Bắc đô thị: gồm mở rộng về phía Nam so với nhà máy gạch hiện nay và vị trí mới tại khu vực gần nút giao đường Hồ Chí Minh với Quốc Lộ 45. Nhóm ngành nghề ưu tiên là: Công nghiệp sử dụng nhiều lao động (may mặc, giày da...), công nghiệp chế biến nông lâm sản, khoáng sản, thủ công mỹ nghệ...

g) Đất dịch vụ - thương mại: Các công trình Dịch vụ - Thương mại được bố trí tại các khu vực có vị trí giao thông thuận lợi, các khu vực phát triển mới. Đất thương mại, dịch vụ khoảng 16,27ha.

h) Đất du lịch:

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để phát triển các điểm du lịch gồm: Điểm du lịch sinh thái - tâm linh Thiên tự Yên Cát, quy mô khoảng 30 ha; Điểm du lịch văn hóa Đình Thi (khu phố Trung Thành), quy mô khoảng 16,27 ha.

- Quy hoạch mới tại khu vực hồ Làng Yên quy mô khoảng 3,1 ha để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với khu trưng bày sản phẩm văn hóa của các dân tộc trên địa bàn.

i) Nhà ở và dân cư

- Dân cư hiện có: Cơ bản ổn định các khu dân cư hiện trạng, quy mô khoảng 386,99 ha.

- Dân cư phát triển: Bố trí quỹ đất để phát triển dân cư mới và tái định cư khi có nhu cầu. Với đặc điểm là đô thị miền núi, tập quán dân cư phân tán, khuyến khích hình thức bố trí tái định cư tại chỗ. Quy mô khoảng 38,99 ha.

j) Đất công trình đầu mối:

- Bố trí 01 bến xe đô thị tại vị trí khu vực nút phía Đông Bắc nút giao đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 45, quy mô khoảng 1,98.

- Ngoài ra bố trí các bãi đỗ xe công cộng đô thị tại các vị trí nút giao, trung tâm đô thị, quy mô khoảng 1,0 ha.

k) Khu xử lý rác thải và nghĩa trang, nghĩa địa:

- Trong phạm vi đô thị chỉ bố trí các điểm thu gom tại các khu phố. Trước mắt, rác thải sẽ được xử lý tại khu xử lý rác thải đô thị hiện nay, nằm ở phía Nam đô thị, quy mô khoảng 5,3 ha.

- Bố trí khu xử lý chất thải rắn cấp vùng: tại vị trí khu vực đồi núi thuộc phía Đông Bắc đô thị tại vùng giáp ranh các khu phố Quế Phú và Cát Tiến.

- Trong khu vực nghiên cứu quy hoạch có các nghĩa địa phân bố rải rác. Các khu nghĩa địa này sẽ được khoanh vùng, tiếp tục khai thác phần còn lại trong giai đoạn đến năm 2030, quy mô khoảng 3,58 ha.

- Nghĩa trang cấp vùng: Bố trí nghĩa trang vùng huyện để phục vụ các nhu cầu mai táng cấp vùng, quy mô khoảng 10 ha.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

- Đối với các khu vực đã xây dựng, cao độ nền xây dựng cơ bản đảm bảo không ngập lụt, úng.

- Đối với khu vực đất ruộng trũng hiện trạng, trong quy hoạch xác định hình thành các khu đất xây dựng đô thị cần nâng cao độ nền đảm bảo hướng dốc thoát nước và đảm bảo lớn hơn cao độ ngập lụt là 133,2m.

- Đối với khu vực trung tâm đô thị mới: Khu vực có đồi và khe tụ thủy ở phía Tây. Khu vực này sẽ san gạt để đạt cao độ nền từ 142,0 ÷ 145,m và lấy đất đắp cho khu vực trũng xung quanh. Khu vực tụ thủy giữ nguyên cao độ (cao độ trung bình 139,0).

- Đối với các khu vực hiện trạng: Cao độ cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng, khu vực nào ngập úng thì tôn cao nền để tránh ngập úng cục bộ.

- Do cao độ đường Hồ Chí Minh, Đường Thanh Niên, đường trục chính khu trung tâm đô thị mới tương đối cao nên phương án san nền lấy hai tuyến đường này là đỉnh phân lưu vực thoát nước, san nền về phía các nhánh của suối Yên Cát.

b) Thoát nước mưa:

- Phân chia lưu vực thoát nước: Căn cứ vào nền địa hình, hệ thống thoát nước mưa được phân chia thành 6 lưu vực - Hướng thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Lưu vực phía Tây - Nam có diện tích khoảng 93,5 ha dọc theo đường Hồ Chí Minh nước hướng thoát theo độ dốc địa hình tự nhiên vào các ao, hồ hiện trạng về dọc các tuyến đường hiện trạng và theo tuyến cống BTCT D1000 quy hoạch thoát vào suối Yên Cát.

+ Lưu vực 2: Lưu vực phía Tây - Nam có diện tích khoảng 50ha một phần của lưu vực này thoát theo địa hình tự nhiên vào các khe tụ thủy và một phần của lưu vực thoát về phía lưu vực 3.

+ Lưu vực 3: Lưu vực phía Nam của đường Hồ Chí Minh là khu vực tập trung dân cư hiện trạng của thị trấn có diện tích khoảng 30ha nước thoát vào các hệ thống mương hiện trạng và đường ống cống D1200 quy hoạch đổ về suối Yên Cát.

+ Lưu vực 4: Lưu vực phía Tây – Bắc đường Hồ Chí Minh là khu vực quy hoạch mới có diện tích khoảng 57ha khu vực này được quy hoạch hệ thống giao thông và san nền đồng bộ có hướng dốc về phía Tây Nam, nước mưa được thu gom vào hệ thống cống D600; D800 đưa về cống ngang đường hiện trạng qua đường Hồ Chí Minh chảy về suối Yên Cát.

+ Lưu vực 5: Lưu vực phía Bắc đường Hồ Chí Minh là khu vực quy hoạch mới có diện tích khoảng 28ha khu vực này được quy hoạch hệ thống giao thông và san nền đồng bộ có hướng dốc về phía Tây Nam, nước mưa được thu gom vào hệ thống cống D600; D800; D1000; D1200 đưa về cống ngang đường hiện trạng qua đường Hồ Chí Minh chảy về suối Yên Cát.

+ Lưu vực 6: Là lưu vực phía Tây Bắc đường Hồ Chí Minh có diện tích khoảng 23ha khu vực này được quy hoạch hệ thống giao thông và san nền đồng bộ hướng dốc về phía Đông – Nam nước mưa được thu gom về hồ Làng Yên có cửa phai điều tiết nước.

Các phần lưu vực còn lại là địa hình tự nhiên đồi núi có dân cư ở thưa thớt, nước mưa được thoát theo độ dốc tự nhiên vào các khe tự thủy.

- Giải pháp thoát nước:

+ Phương án thoát nước dọc các tuyến đường: Đối với các tuyến chính sử dụng cống BTCT D600; D800; D1000; D1200 Đối với các mương thoát nước dọc đường hiện trạng, chỉnh trang nạo vét và kết nối với hệ thống thoát nước quy hoạch.

+ Nạo vét, khơi thông các khe, suối thoát nước tự nhiên, cắm mốc quản lý tránh bị lấn chiếm, xây dựng trái phép gây cản trở dòng chảy thoát lũ.

+ Tại các khu vực phát triển mới, xây dựng các tuyến mương, cống dọc theo các tuyến đường giao thông để thu gom nước mưa.

+ Tại các khu vực dân cư cũ, tận dụng các mương, cống hiện có, chỉ cải tạo, sửa chữa các đoạn bị hư hỏng.

7.2. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại.

- Đường Hồ Chí Minh: Mặt đường gồm 6 làn xe x 4,0m/ làn= 24,0m; Phân cách giữa và dải an toàn: 3,0m; Dải dừng xe khẩn cấp: 2 x 3m; Lề trồng cỏ: 2x1,0m; Khoảng cách ly và phần taluy chiếm dụng: 2 x 11,5m; Phân bố trí

đường gom và vỉa hè: 2 x 15,5m. Tổng mặt cắt đường Hồ Chí Minh: 79,0 ÷ 89,0m (đã bao gồm taluy đường, đoạn qua khu trung tâm có mặt cắt 89,0m. Đoạn đầu và cuối tuyến có mặt cắt 79,0÷84,0m); Đoạn qua khu dân cư và khu trung tâm bố trí đường gom với quy mô mặt cắt 15,5m (lòng đường 10,5 m; hè 5,0m).

- Quốc lộ 45: Đoạn qua khu vực lập quy hoạch có chiều dài 8,0km. Tiêu chuẩn đường cấp III và đến 2030 sẽ được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp II với 4 làn xe. Đoạn qua thị trấn có quy mô mặt cắt 42,0m (lòng đường 15,0m; Hành lang bảo vệ 30m). Đoạn qua khu trung tâm mới có bố trí đường gom phía trung tâm.

- Tỉnh lộ 520C: Bắt đầu từ đường mòn Hồ Chí Minh đi Xuân Khang ở phía Nam (tuyến số 21) có quy mô mặt cắt 17,5m (lòng đường 7,5m; hè – rải cây xanh 2x5,0m).

- Các tuyến liên xã bao gồm:

+ Tuyến đi Xuân Khang: Bắt đầu từ Quốc lộ 45 đi Xuân Khang ở phía Đông (tuyến số 25), có quy mô mặt cắt 17,5m (lòng đường 7,5m; hè – rải cây xanh 2x5,0m);

+ Tuyến đi hồ Sông Mực (tuyến số 24): Bắt đầu từ đường Hồ Chí Minh đi hồ sông Mực ở phía Đông Nam, có quy mô mặt cắt 17,5m (lòng đường 7,5m; hè – rải cây xanh 2x5,0m);

+ Tuyến đi Hóa Quý (tuyến số 1): Bắt đầu từ đường Hồ Chí Minh đi Hóa Quý ở phía Tây Nam, có quy mô mặt cắt 20,5m (lòng đường 10,5m; hè – rải cây xanh 2x5,0m);

- Tổ chức giao cắt với đường Hồ Chí Minh:

+ Quy hoạch giao thông toàn tỉnh xác định tuyến Quốc lộ 45 sẽ kéo dài đến Thanh Quân – Bù Cầm. Do đó giao cắt của Quốc lộ 45 và đường Hồ Chí Minh là nút giao cắt liên thông khác mức.

+ Các giao cắt giữa các tuyến đường dân sinh với đường Hồ Chí Minh sẽ được xây dựng các cổng chui qua đường Hồ Chí Minh. Các cổng chui này nằm trong dự án mở rộng, nâng cấp đường Hồ Chí Minh sau này. Đối với đoạn nối 2 khu trung tâm mới và cũ xây dựng cầu vượt qua đường Hồ Chí Minh.

b) Giao thông đối nội.

- Các tuyến đường chính đô thị và các tuyến đường liên khu vực:

+ Tuyến đường 3 (tuyến trục chính khu trung tâm quy hoạch mới) được thiết kế với quy mô đường đỏ 34,00m gồm mặt đường 2x10,5m; hè mỗi bên 5.00m; rải phân cách giữa 3,0m.

+ Tuyến 4: Là tuyến vành đai phía Bắc khu trung tâm đô thị mới; nối đường Thanh Niên (tại hầm chui đường Hồ Chí Minh 2 - nút N08) tới đường tránh QL45 tại nút giao N19. Quy mô đường đỏ 17,5m; gồm mặt đường 7,5m, hè mỗi bên 5,0m.

+ Tuyến 16: Bắt đầu từ nút giao N12, giao cắt với đường tránh QL45 (tại nút giao N21) kéo dài sang khu trung tâm cũ tại hầm chui (nút giao N06), kết thúc tại nút giao N09 (đầu nối đường gom đường mòn HCM). Quy mô đường đỏ cơ bản từ 13,5÷17,5m; gồm mặt đường 7,5m, hè mỗi bên 3,0÷5,0m. Đối với đoạn qua khu dân cư hiện trạng, vỉa hè rộng từ 3,0÷4,0m. Đoạn qua khu mới vỉa hè rộng 5,0m.

+ Tuyến Yên Cát – Thăng Sơn: Bắt đầu từ nút giao N45, nối với tuyến số 23 tại hầm chui (nút giao N03) kết thúc tại nút giao N07. Quy mô đường đỏ 20,5m; mặt đường 10,5m, hè mỗi bên 5,0m.

Các tuyến đường cấp khu vực: Bao gồm các tuyến còn lại. Các tuyến này được thiết kế với quy mô đường đỏ 13,5m ÷ 22,0m; gồm mặt đường 7,5m ÷ 12,0m; hè mỗi bên 3,0-5,0mm. Đối với đoạn qua khu dân cư hiện trạng, vỉa hè rộng từ 3,0÷4,0m. Đoạn qua khu mới vỉa hè rộng 5,0m.

- Các dạng mặt cắt đường: Các tuyến đường trong khu vực thị trấn Yên Cát đề xuất thiết kế với các mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt 1-1: Lộ giới 79,0 ÷ 89,0m bao gồm mặt đường: gồm 6 làn xe x 4,0m/ làn= 24,0m; Phân cách giữa và dải an toàn: 3,0m; Dải dừng xe khẩn cấp: 2 x 3m; Lề trồng cỏ: 2x1,0m; Khoảng cách ly và phần taluy chiếm dụng: 2 x 11,5x2m; Phần bố trí đường gom và vỉa hè: 2 x 15,5m.

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới 34,0m; mặt đường 10,5x2m; hè đường 2x5,0m; giải PC giữa 3,0m.

+ Mặt cắt 2'-2': Lộ giới 26-27,0m; mặt đường 7,5x2m; hè đường 2x5,0m; giải PC giữa 1-2,0m.

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới 18,0÷20,0m; Mặt đường 12m; Hè đường 2 x (3,0÷4,0)m;

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới 17,5m; Mặt đường 7,5m; Hè đường 2x5,0m;

+ Mặt cắt 4'-4': Lộ giới 13,5÷15,5m; Mặt đường 7,5m; Hè đường 2 x (3,0÷4,0)m;

+ Mặt cắt 5-5: Lộ giới 20,5m; Mặt đường 10,5m; Hè đường 2x5,0m;

+ Mặt cắt 6-6: Lộ giới 42,0m; Mặt đường 15,0m; Hè đường, hành lang bảo vệ 2x13,5m;

c) Các công trình đầu mối và công trình công cộng.

- Bến bãi:

+ Xây dựng các bãi đỗ xe kết hợp vườn hoa đệm, tập trung tại khu vực trung tâm công cộng mới, các khu vực tập trung đông người khác, đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất.

+ Bến xe đối ngoại: Cấp bến xe Cấp IV. Vị trí nằm ở phía Đông Bắc nút giao đường Hồ Chí Minh với đường QL 45.

- Giao thông công cộng: Hệ thống giao thông công cộng trong khu vực được liên kết mật thiết với hệ thống giao thông toàn tỉnh và khu vực. Phương tiện giao thông công cộng chủ yếu là xe khách, xe taxi.v.v. ngoài ra còn các loại phương tiện cá nhân khác.

7.3. Quy hoạch cấp điện

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của đô thị đến năm 2030 là: 9.883 KVA

- Nguồn: Từ nguồn Trạm 110KV Bãi Trành, công suất 2X40MVA tại khu vực xã Hóa Quỳnh tới. Kết hợp (trong giai đoạn ngắn hạn) nguồn Trạm 110KV Nông Cống 35kV lộ 377 trạm trung gian 110kV Nông Cống công suất 2x25MVA - 110/35/22kV tới.

- Hệ thống dây dẫn trung áp, hạ áp:

+ Lưới điện 35KV: Cấp điện cho các trạm biến áp tiêu thụ dùng cáp bọc tiêu chuẩn, dây dẫn được treo trên các cột ly tâm cao 16m chạy dọc theo các tuyến giao thông chính của đô thị. Một số đoạn của lưới điện 35KV đã được xây dựng có thể được chỉnh tuyến theo quy hoạch nếu ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và nâng cao khả năng sử dụng đất.

+ Lưới điện 0.4KV: các khu dân cư cũ cải tạo được bố trí đi nổi, dây dẫn dùng cáp bọc văn xoắn tiêu chuẩn trên cột ly tâm cao 12m. Với các khu dân cư, đô thị mới thiết kế ngầm trong hành lang kỹ thuật giao thông.

- Điện chiếu sáng: Trên các tuyến phố trong đô thị bố trí hệ thống chiếu sáng đường phố. Tuyến có lòng đường từ $\geq 10.5\text{m}$ dùng đèn đặt ở hai bên hè. Các tuyến lòng đường $\leq 10,5\text{m}$, đèn đường đặt 1 bên đường, dùng đèn cao áp thủy ngân 125W hoặc 250W

7.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Từ hồ Sông Mực bằng ống HDPE D200, bố trí dọc đường đi xã Tân Bình hiện nay.

- Nhà máy cấp nước: Xây dựng mới 01 nhà máy cấp nước phục vụ cho thị trấn Yên Cát (gần khu vực khu dân cư Đồng Cày) với công suất 3.000 m³/ng.đ.

- Mạng lưới: Mạng đường ống kết hợp mạng vòng và mạng cụt; Ống phân phối, dịch vụ sử dụng ống HDPE

- Hạng cứu hỏa được bố trí trên đường ống D100, đặt tại các ngã ba, ngã tư và khu vực thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải

- Tính toán lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 1.400 m³/ng.đ.

- Thu gom và xử lý thoát nước thải theo 04 khu vực như sau:

+ Khu vực 1: Là khu vực phía Nam đường Hồ Chí Minh là khu vực tập trung dân cư hiện trạng của thị trấn, nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 500m³/ngđ phía Tây Nam của dự án. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được đổ vào suối Yên Cát.

+ Khu vực 2: Là khu vực phía Bắc đường Hồ Chí Minh đây là khu vực quy hoạch mới nước thải được thu gom về trạm xử lý công suất 500m³/ngđ theo các tuyến ống dọc hai bên đường quy hoạch về vị trí Tây Nam dự án (cạnh nghĩa trang hiện trạng bên đường Hồ Chí Minh). Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ đổ vào suối nhân tạo chảy qua cống ngang đường Hồ Chí Minh về suối Yên Cát.

+ Khu vực 3: Là khu vực phía Tây Bắc dự án với dân cư hiện trạng và định hướng phát triển cho tương lai, nước thải được thu gom về trạm xử lý công suất 200m³/ngđ tại phía Bắc, nước thải sau khi xử lý sẽ được đổ vào khe tụ thủy của địa hình tự nhiên.

+ Khu vực 4: Là khu vực phía Đông Bắc dự án với dân cư hiện trạng và định hướng phát triển tương lai, nước thải được thu gom về trạm xử lý công suất 200m³/ngđ, nước thải sau khi xử lý sẽ được đổ vào khe tụ thủy của địa hình tự nhiên.

- Mạng lưới thoát nước sử dụng cống tròn BTCT D300; D400 thiết kế dọc các tuyến đường giao thông, với khoảng cách 30m bố trí 01 hố ga, thu gom về các trạm xử lý nước thải.

- Đối với khu vực xây dựng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng của từng khu.

7.6. Định hướng thu gom chất thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 12 tấn/ngđ.

- Khu xử lý chất thải rắn: Giai đoạn trước mắt chất thải rắn của thị trấn được xử lý tại bãi chôn lấp tại khu vực phía Nam thị trấn (khu phố Thăng Bình) hiện nay. Về lâu dài chất thải rắn được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn vùng huyện Như Xuân (khu vực phía Đông Bắc khu phố Cát Tiến).

- Hệ thống điểm tập kết chất thải rắn: Bố trí trong các khu phố, tập kết chất thải rắn phát sinh hàng ngày và vận chuyển về khu xử lý. Điểm tập kết được bố trí tại các vị trí thích hợp, đảm bảo khoảng cách lý vệ sinh môi trường và bán kính phục vụ theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung;

- Chất thải rắn công nghiệp: Phân loại ngay tại nguồn, tận thu, tái sử dụng. Phần chất thải rắn không sử dụng được vận chuyển và xử lý tại khu xử lý chất thải. Chất thải rắn độc hại phải được xử lý riêng.

- Nghĩa trang nhân dân:

+ Đối với hệ thống nghĩa địa hiện tại: Có giải pháp từng bước hạn chế chôn cất và tiến tới khoanh vùng, đóng cửa hoặc di dời các vị trí nhỏ lẻ. Đến

năm 2030 chỉ giữ lại 4 điểm nghĩa địa lớn của thị trấn tại các Khu phố Yên Thịnh, Khu phố Thăng Bình, Khu phố Trung Thành, Khu phố Quế Phú.

+ Giai đoạn sau năm 2030: Quy hoạch nghĩa trang vùng huyện tại phía Bắc khu phố Cát Tiến, để sử dụng lâu dài.

7.7. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp khung trang các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại bưu cục, điểm BĐ-VH xã, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng của nhân dân trên địa bàn.

b) Trạm viễn thông:

- Trạm chuyển mạch cố định, truy nhập Internet cố định: Đầu tư nâng cấp các trạm truy nhập quang (AON, PON) hiện có, đầu tư xây dựng mới các trạm truy nhập quang tại các cụm công nghiệp, khu thương mại, khu dân cư mới khi quy hoạch chi tiết, đáp ứng nhu cầu dịch vụ viễn thông, Internet, truyền hình qua mạng viễn thông.

- Trạm phát sóng thông tin di động: Tiếp tục đầu tư bổ sung xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại các khu dân cư hiện hữu. Xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động các khu vực sản xuất công nghiệp, khu đô thị mới, khu dân cư mới, các khu dịch vụ khi quy hoạch chi tiết.

- Yêu cầu đối với các loại ăng ten:

+ Đối với loại ăng ten không công kênh A1: Thực hiện cải tạo cột A2 sang A1 là loại cột ăng ten không công kênh tại các khu vực có yêu cầu về bảo vệ mỹ quan đô thị và cảnh quan môi trường. Ưu tiên lắp đặt loại ăng ten ngụy trang tại các khu vực đặc biệt như khu phố, khu dân cư.

+ Với loại ăng ten công kênh A2: Duy trì và triển khai tại khu vực không tập trung dân cư. Hạn chế việc sử dụng chung quá nhiều ăng ten đối với các cột ăng ten lắp đặt trên các công trình xây dựng; cột ăng ten công kênh mất an toàn và mỹ quan đô thị.

- Phát triển hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần.

c) Hạ tầng mạng cáp viễn thông:

- Sử dụng cáp quang Singlemode (SM) có đường kính core khá nhỏ (khoảng $9\mu\text{m}$), sử dụng nguồn phát laser truyền tia sáng xuyên suốt vì vậy tín hiệu ít bị suy hao. Đối với các tuyến cáp từ tổng đài vệ tinh đến các tủ cáp (cáp chính), sử dụng các sợi cáp quang dung lượng từ 24 – 48 core.

- Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường chính mới, đường nội bộ mới trong khu vực nghiên cứu nhằm đảm bảo an toàn thông tin và mỹ quan đô thị.

- Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng trong đô thị và theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông. Các tuyến cáp phải bố trí dọc theo các trục giao thông.

d) Các dịch vụ viễn thông:

- Dịch vụ viễn thông: Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ viễn thông, công nghệ 4G, 5G.

- Dịch vụ thông tin di động: Phát triển mạng thông tin di động theo công nghệ mới nhằm tăng tốc độ truyền tải dữ liệu về máy điện thoại.

- Dịch vụ Internet: Nâng cao tốc độ và khả năng của mạng di động cho những ứng dụng dịch vụ dữ liệu như: Dịch vụ cơ bản (tải file, phân phối email), dịch vụ tương tác (duyệt web, truy cập server, tìm và phục hồi cơ sở dữ liệu).

- Phát triển hạ tầng: Quang hóa mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cáp quang.

e) Tính toán nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thụ động:

- Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới là: $\geq 200 \text{ m}^2$; Diện tích xây dựng cột ăng ten: $\geq 80 \text{ m}^2$.

- Nâng cấp trạm truy nhập quang; xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm thị trấn về trạm truy nhập quang trong khu vực.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đấu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

8. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Đảm bảo được các yêu cầu về tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, điểm nhấn đô thị. Các điểm nhấn chính được xác định là: Khu vực hành chính chính trị huyện hiện nay; khu vực quảng trường khu trung tâm đô thị mới.

- Không gian các khu trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa - thể thao, tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch, y tế phù hợp với tính chất, chức năng đô thị.

- Không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan, xác định vị trí và diễn họa ý tưởng hình khối các công trình điểm nhấn theo các hướng, tuyến giao thông chính hướng vào trong đô thị.

- Tổ chức các trục không gian, cảnh quan chính:

+ Cải tạo, nâng cấp cảnh quan các tuyến đường đối ngoại (đường Hồ Chí Minh đoạn nút giao Cầu Chui đến nút giao phía Bắc Công an huyện; tuyến Quốc lộ 45 kéo dài). Các tuyến đường chính phục vụ du lịch và đô thị, tạo cảnh quan hấp dẫn, với các tiện ích công cộng thông minh, hiện đại, sinh thái, dễ tiếp cận (Tuyến trục chính kết nối khu vực trung tâm đô thị cũ và mới; Tuyến đường Thanh Niên; Tuyến 16 đoạn từ Thiền viện Yên Cát đến đường Quốc lộ 45 kéo dài; Tuyến 14 đoạn từ khu vực Cầu chui đến hồ Làng Yên...).

+ Định hướng kiến trúc cho các trục đường chính, các khu vực đặc trưng trong đô thị theo nguyên tắc đảm bảo sự chuyển tiếp về hình ảnh kiến trúc đô thị đã phát triển qua các giai đoạn.

+ Đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước. Hạn chế mở rộng đảm bảo cảnh quan tự nhiên và các giá trị văn hoá lịch sử của đô thị. Hình thành một số điểm dịch vụ du lịch có tính chất đặc biệt, không che chắn tầm nhìn.

- Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị và từng khu vực đô thị.

- Kiểm soát chặt chẽ công trình xây dựng cao tầng để phù hợp với đặc điểm hiện trạng từng khu vực. Tại các khu vực giao cắt giữa các trục đường chính đô thị khuyến khích xây dựng các công trình cao tầng làm điểm nhấn và định hình không gian đô thị.

- Khuyến khích phát triển các khu vực hoàn nguyên, đất sử dụng kém hiệu quả để bổ sung quỹ đất phát triển đô thị, dịch vụ du lịch, các khu công viên cây xanh chuyên đề, các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

9. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Tại khu vực bố trí cụm sản xuất công nghiệp tập trung tổ chức dải cây xanh cách ly phù hợp nhằm giảm thiểu các ô nhiễm do tiếng ồn, khói, bụi đến các khu dân dụng đô thị;

- Quản lý các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nghề thủ công truyền thống trên địa bàn có dải cây xanh cách ly phù hợp. Dần di chuyển về cụm sản xuất công nghiệp tập trung để quản lý, hạn chế tác động xấu tới môi trường sống;

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải vào suối Yên Cát và các nguồn thải khác...tránh ô nhiễm cho khu vực hạ nguồn;

- Đối với nguồn nước ngầm từ bãi xử lý CTR, nghĩa trang xây dựng hệ thống mương thu gom nước dẫn về hồ chứa. Tại đây nước thải được xử lý bằng phương pháp hóa học (thông thường dùng bột vôi để trung hòa), sau đó kiểm tra độ PH và một số ion kim loại đạt tiêu chuẩn cho phép mới được đổ thải ra môi trường.

- Đối với chất thải rắn y tế nguy hại cần được thu gom, xử lý triệt để bằng công nghệ thiêu đốt ở nhiệt độ cao để khí thải lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Chất thải rắn công nghiệp sẽ được phân loại để tái sử dụng hoặc đem đi chôn lấp, trước khi chôn lấp cần có biện pháp khử các chất độc hại.

- Chất thải rắn sau khu thu gom được đưa về khu tập kết của đô thị, việc xử lý sẽ tiến hành tại khu xử lý chung giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có điều kiện áp dụng công nghệ xử lý hiện đại.

10. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

TT	Danh mục các dự án, hạng mục công trình	Kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn
I	Giai đoạn đến năm 2025		
	Đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa, đồng thời tiến hành, lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng. Đáp ứng cho yêu cầu quản lý, kêu gọi đầu tư, chỉ đạo thực hiện quy hoạch.	5	Vốn ngân sách
	Đầu tư tuyến đường kết nối khu trung tâm thị trấn hiện nay đến khu trung tâm thị trấn mới.	65	Vốn ngân sách

TT	Danh mục các dự án, hạng mục công trình	Kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn
	Xây dựng chợ Yên Cát	30	Xã hội hóa
	Dự án Khu du lịch sinh thái Thiên viện Yên Cát	25	Xã hội hóa
	Dự án khu dịch vụ vận tải	10	Xã hội hóa
	Dự án Trung tâm dịch vụ và tổ chức sự kiện.	15	Xã hội hóa
	Dự án Trường liên cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở).	10	Xã hội hóa
	Dự án phòng khám đa khoa khu vực.	12	Xã hội hóa
	Nhà máy cấp nước sạch	30	Xã hội hóa
	Đầu tư khu xử lý rác thị trấn	40	Xã hội hóa
	Dự án hạ tầng các khu dân cư đô thị mới	100	Xã hội hóa
II	Giai đoạn 2026-2030		
	Đầu tư các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực	60	Vốn ngân sách
	Dự án khu văn hóa – thể thao cấp huyện	40	Vốn ngân sách
	Trạm nước thải, trạm biến áp mới.	30	Vốn ngân sách
	Cải tạo các công trình hạ tầng xã hội: Trường học, trạm Y tế, trung tâm TDTT theo các tiêu chuẩn ngành	20	Vốn ngân sách
	Dự án hạ tầng các khu dân cư đô thị mới	160	Xã hội hóa

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Như Xuân có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H7.(2022)QDPD QHC TT Yên Cat

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm